

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/DS-ST

Ngày 08/ 5/ 2026

Về việc: “T/c hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN VỰC 2 - AN GIANG.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Tâm

- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

Ông Đào Duy Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2-
An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 không tham gia phiên toà:
không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh An
Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2025/TLST- DS ngày 17
tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 192/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các
đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số B C, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V-Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng K-Quyền tổng giám đốc

Ông Mai Chí T-Giám đốc P: Ông T ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến Đ-
TBP.KHCN-PGD Phú Quốc.

Địa chỉ: Số B N, khu phố A, D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu phố A D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP N** ông **Nguyễn Tiến Đ** trình bày:

Ngày 01/10/2020, **Ngân hàng TMCP N** (**N1**) và bà **Nguyễn Thị Thúy L** đã ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng, số hợp đồng 0483/2020/613- CV (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) để cấp thẻ tín dụng cho bà **Nguyễn Thị Thúy L** với số tiền 50.000.000 đồng, theo giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0483/2020/613- CV ngày 01/10/2020, lãi suất trong hạn là 36%/ năm, lãi suất quá hạn 54%/năm; mở thẻ ngày 08/10/2020.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà **Nguyễn Thị Thúy L** đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đúng hạn và đầy đủ cho **N1**, để phát sinh nợ quá hạn kéo dài, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Từ ngày 25/12/2023 đến ngày 21/7/2025 bà **L** còn nợ **N1** tiền nợ gốc và nợ lãi là 82.560.202 đồng, **N1** đã nhiều lần liên hệ và làm việc với bà **L** để yêu cầu hoàn trả nợ, nhưng bà **L** cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà **L** thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nay **ngân hàng TMCP N** yêu cầu bà **Nguyễn Thị Thúy L** phải thanh toán cho **N1** số tiền còn nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng nêu trên tính từ ngày 25/12/2023 đến ngày 08/5/2026 bà **L** còn nợ **N1** tiền nợ gốc là 36.658.140 đồng, nợ lãi trong hạn 14.729.38458 đồng, nợ lãi quá hạn 46.893.504 đồng. Ngoài ra kể từ ngày 09/5/2026, bà **Nguyễn Thị Thúy L** vẫn còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay cho **N1**.

* *Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thúy L***: Đã được tòa án nhân dân khu vực 2 triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà **L** đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung đơn có ghi thống nhất số nợ gốc và lãi như ngân hàng trình bày, bà **L** xin gia hạn thêm thời gian để trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: **Ngân hàng TMCP N** và bà **Nguyễn Thị Thúy L** là đương sự trong vụ án, nhưng tất cả đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy L thanh toán tiền nợ gốc và tiền nợ lãi còn thiếu phát sinh từ hợp đồng cấp thẻ. Bà L thường trú trên địa bàn đặc khu P, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 luật số 85/2025/QH 15 ngày 01/7/2025 của Quốc hội và Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Căn cứ hợp đồng cấp thẻ tín dụng, số hợp đồng 0483/2020/613- CV ngày 01/10/2020, mở thẻ ngày 08/10/2020. Bà L đã vi phạm các cam kết trong hợp đồng và không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng vì thế phía Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Căn cứ bảng Tóm tắt sao kê lịch trả nợ ngày 08/5/2026 do Ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định, kể từ ngày mở thẻ với số tiền 50.000.000 đồng cho đến nay, bà L còn nợ tổng số tiền gốc là 36.658.140 đồng và nợ lãi trong hạn 14.729.384 đồng, lãi quá hạn 46.893,504. Tổng cộng 98.281.028 đồng (*Chín mươi tám triệu, hai trăm tám mươi một ngàn, không trăm hai mươi tám đồng*).

Như vậy, tổng số tiền bà L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N tính đến ngày 08/5/2026 là 98.281.028 đồng (*Chín mươi tám triệu, hai trăm tám mươi một ngàn, không trăm hai mươi tám đồng*).

Trong đó nợ gốc là 36.658.140 đồng và nợ lãi trong hạn 14.729.384 đồng, lãi quá hạn 46.893,504 đồng.

[3.3] Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. H lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 luật số 85/2025/QH 15 ngày 01/7/2025 của Quốc hội và Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều

238 , Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 422, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP N** đối với bà **Nguyễn Thị Thúy L**.

- Buộc bà **Nguyễn Thị Thúy L** phải trả cho **Ngân hàng TMCP N** số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 98.281.028 đồng (*Chín mươi tám triệu, hai trăm tám mươi một ngàn, không trăm hai mươi tám đồng*). Trong đó nợ gốc là 36.658.140 đồng và nợ lãi trong hạn 14.729.384 đồng, lãi quá hạn 46.893,504 đồng.

Kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2026, bà **L** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Thúy L** phải chịu án phí có giá ngạch của số tiền buộc trả là 4.914.051 đồng. Trả lại **Ngân hàng TMCP N** số tiền tạm ứng án phí 2.064.000 đồng theo biên lai thu số 0001826 ngày 11/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 2;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ

Lê Thị Hồng Tâm

